

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 02/QĐ-ĐHNCT ngày 06 tháng 03 năm 2013
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)*

- Tên ngành đào tạo: **Dược học (Pharmacy)**
- Mã số: **52720401**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Danh hiệu tốt nghiệp: **Dược sĩ đại học**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy (5 năm)**
- Đơn vị đào tạo: **Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ. Địa chỉ số 168 Nguyễn Văn Cừ (nối dài), Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.**

LỜI GIỚI THIỆU

- Căn cứ vào Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình khung các ngành đào tạo Đại học và Cao đẳng thuộc nhóm ngành Khoa học sức khỏe;
- Căn cứ Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;
- Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “*Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*”;
- Căn cứ Quyết định số 69/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng, an ninh;

- Căn cứ Quyết định số 52/2008 /QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 09 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Căn cứ nhu cầu về nguồn nhân lực Dược sĩ trình độ đại học của ngành Y tế trong thời gian trước mắt và lâu dài tại TP. Cần Thơ nói riêng và Đồng bằng sông Cửu Long nói chung; *(Nhu cầu được chăm sóc, khám chữa bệnh của người dân tại Đồng bằng Sông Cửu Long ngày càng cao đòi hỏi nhiều cán bộ y tế làm công tác cung ứng thuốc tại các tuyến huyện, xã hiện nay và trong thời gian tới là vấn đề được quan tâm hàng đầu, do đó cần nghiên cứu thực tế nhu cầu nguồn nhân lực này nhằm có kế hoạch đào tạo, đáp ứng tình hình hiện tại và thời gian tới để đảm bảo những mục tiêu mà ngành y tế đề ra. Ở đồng bằng sông Cửu Long sự thiếu hụt này so với các khu vực khác trong cả nước càng nghiêm trọng hơn).*
- Căn cứ vào khả năng và điều kiện của Trường Đại học Nam Cần Thơ, về giảng viên, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo;

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo dược sĩ đại học chính quy, Khoa Dược – Trường Đại học Nam Cần Thơ đã dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các văn bản có liên quan nhất là dự thảo về chương trình khung đối với khối ngành khoa học sức khỏe của Bộ vào năm 2012, đồng thời tham khảo nhiều chương trình đào tạo Dược sĩ của các trường đại học trong và ngoài nước, cũng như sự đóng góp của các Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Khoa Dược - Trường Đại học Nam Cần Thơ đã làm việc thận trọng và khẩn trương để hoàn thành việc xây dựng chương trình này.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Dược sĩ trình độ đại học chuyên ngành Quản lý và cung ứng thuốc và chuyên ngành Phát triển và sản xuất thuốc, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở vững, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để cộng tác với Bác sĩ y khoa hướng dẫn người bệnh hoặc nhân dân sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc

tốt; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ chuyên môn góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

- Có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở;
- Có kiến thức cơ bản về chuyên môn dược và kiến thức vững theo định hướng chuyên ngành: Quản lý và cung ứng thuốc hoặc Phát triển và sản xuất thuốc;
- Biết và vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật về dược có liên quan đến lĩnh vực hoạt động chuyên ngành;
- Hiểu biết về tổ chức y tế, các mô hình tổ chức và quản lý nhà nước về dược; các mô hình công ty, sản xuất kinh doanh thuốc; mô hình quản lý chất lượng thuốc liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.

Về kỹ năng

Chuyên ngành Quản lý và cung ứng thuốc

- Thực hiện được các hoạt động nghiệp vụ dược liên quan đến quản lý, tồn trữ và cung ứng thuốc tại khoa Dược bệnh viện, Công ty cung ứng thuốc và nhà thuốc GPP;
- Triển khai và thực hiện đúng các hướng dẫn về thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) và Thực hành tốt nhà thuốc (GPP);
- Áp dụng và kiểm tra được việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược trong lĩnh vực quản lý và cung ứng thuốc;
- Phối hợp được với đồng nghiệp để tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn dược giao và hướng dẫn, giúp đỡ cán bộ trung học về chuyên môn Dược;
- Có khả năng cập nhật các kiến thức về Y Dược học và các lĩnh vực có liên quan, tham gia nghiên cứu khoa học và tham khảo được các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

Chuyên ngành Sản xuất và phát triển thuốc

- Có đủ kỹ năng nghề nghiệp để đảm nhiệm được các vị trí dược phân công trong phạm vi chuyên môn tại nhà máy sản xuất thuốc;

- Triển khai đúng các hướng dẫn thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP), Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP);
- Áp dụng được các biện pháp đảm bảo chất lượng thuốc trong suốt quá trình sản xuất thuốc;
- Áp dụng và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược trong lĩnh vực sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ thuốc;
- Phối hợp được với đồng nghiệp để tổ chức triển khai thực hiện những nghiệp vụ chuyên môn được giao và hướng dẫn, giúp đỡ cán bộ trung học về chuyên môn Dược;
- Có khả năng cập nhật các kiến thức về Y Dược học và về các lĩnh vực có liên quan, tham gia nghiên cứu khoa học và tham khảo được các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.

Về thái độ

- Tận tụy, có trách nhiệm trong hành nghề, vì sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp;
- coi trọng việc kết hợp dược học hiện đại với dược học cổ truyền;
- Tôn trọng pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp;
- Trung thực, khách quan, quan tâm đến nghiên cứu khoa học và tự học tập nâng cao trình độ.

2. Thời gian đào tạo: 5 năm (10 học kỳ).

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: *166 tín chỉ (TC)* .

4. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học phổ thông bổ túc.

5. Tổ chức tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo: Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng chính quy ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a. Thời gian ôn thi và làm khóa luận: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Đối với những sinh viên làm khóa luận dự kiến bắt đầu thực hiện vào học kỳ IX*).

* Sinh viên có điểm trung bình chung học tập trong suốt 4 năm đại học loại khá trở lên, không nợ học phần nào và không bị kỷ luật trong suốt quá trình học có thể đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp. Hội đồng thi tốt nghiệp nhà trường xem xét danh sách sinh viên đủ điều kiện và đồng ý cho thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

* Số sinh viên còn lại sẽ thi tốt nghiệp môn Lý thuyết tổng hợp.

b. Thời gian thi: Vào tháng 07 hàng năm

c. Hình thức thi tốt nghiệp:

- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ) cho tất cả sinh viên.
- Thi tốt nghiệp môn Lý thuyết tổng hợp gồm 5 tín chỉ cho kiến thức ngành và 5 tín chỉ cho kiến thức định hướng chuyên ngành.
- Làm khóa luận tốt nghiệp,

7. Thang điểm

Loại đạt:

9,0 - 10	Xuất sắc
8,0 - dưới 9,0	Giỏi
7,0 - dưới 8,0	Khá
6,0 - dưới 7,0	Trung bình khá
5,0 - dưới 6,0	Trung bình

Loại không đạt:

0 - dưới 5,0

8. Nội dung chương trình

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương

8.1.1. Lý luận chính trị

Stt	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	3	3	0	Bắt buộc
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	2	2	0	Bắt buộc
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	Bắt buộc
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0	Bắt buộc
Tổng cộng		10	10	0	

8.1.2. Khoa học xã hội

Stt	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Đạo đức hành nghề dược	2	2	0	Bắt buộc
Tổng cộng		2	2	0	

8.1.3. Ngoại ngữ

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Anh văn 1	2	2	0	Bắt buộc
2	Anh văn 2	3	3	0	Bắt buộc
3	Anh văn chuyên ngành	3	3	0	Bắt buộc
Tổng cộng		8	8	0	

8.1.4. Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Toán cao cấp & xác suất thống kê	3	2	1 (Xác suất)	Bắt buộc
2	Tin học ứng dụng	2	1	1	Bắt buộc
3	Vật lý đại cương	4	3	1	Bắt buộc
4	Môi trường	2	2	0	Bắt buộc
5	Hóa đại cương vô cơ	3	2	1	Bắt buộc
6	Sinh học đại cương	3	2	1	Bắt buộc

Tổng cộng	17	12	5	
------------------	-----------	-----------	----------	--

8.1.5. Giáo dục thể chất

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Giáo dục thể chất	3	1	2	Bắt buộc
Tổng cộng		3	1	2	

8.1.6. Giáo dục quốc phòng - an ninh

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Giáo dục quốc phòng - an ninh	7	3	4	Bắt buộc
2	Y học quân sự	2	2	0	Bắt buộc
Tổng cộng		9	5	4	

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

8.2.1 Kiến thức cơ sở ngành

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Hóa sinh	4	3	1	Bắt buộc
2	Hóa hữu cơ	5	3	2	Bắt buộc
3	Hóa phân tích 1	3	2	1	Bắt buộc
4	Hóa phân tích 2	3	2	1	Bắt buộc
5	Giải phẫu	2	2	0	Bắt buộc
6	Sinh lý	3	2	1	Bắt buộc
7	Vi sinh	2	1	1	Bắt buộc
8	Ký sinh	2	1	1	Bắt buộc
9	Sinh lý bệnh và miễn dịch	3	3	0	Bắt buộc
10	Hóa lý dược	3	2	1	Bắt buộc
11	Bệnh học	3	3	0	Bắt buộc
12	Thực vật dược	4	3	1	Bắt buộc
Tổng cộng		37	27	10	

8.2.2. Kiến thức ngành

8.2.2.1. Kiến thức ngành (bắt buộc phải có)

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực	Bắt buộc/
-----	-------------	-------	-----------	------	-----------

				hành	Tự chọn
1	Dược học cổ truyền	2	1	1	Bắt buộc
2	Dược liệu 1	3	2	1	Bắt buộc
3	Dược liệu 2	3	2	1	Bắt buộc
4	Hóa dược 1	3	2	1	Bắt buộc
5	Hóa dược 2	3	2	1	Bắt buộc
6	Bào chế và sinh dược học 1	3	2	1	Bắt buộc
7	Bào chế và sinh dược học 2	3	2	1	Bắt buộc
8	Pháp chế dược	3	3	0	Bắt buộc
9	Quản lý và kinh tế dược	2	2	0	Bắt buộc
10	Dược lý 1	2	2	0	Bắt buộc
11	Dược lý 2	3	2	1	Bắt buộc
12	Độc chất học	2	1	1	Bắt buộc
13	Dược lâm sàng 1	2	2	0	Bắt buộc
14	Kiểm nghiệm dược phẩm	3	2	1	Bắt buộc
15	Thực hành dược khoa	3	0	3	Bắt buộc
16	Sản xuất thuốc 1	2	2	0	Bắt buộc
17	Tin học dược	2	1	1	Bắt buộc
18	Dược động học	2	2	0	Bắt buộc
Tổng cộng		46	32	14	

8.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành (được chọn theo từng nhóm định hướng chuyên ngành)

Nhóm 1: Quản lý và cung ứng thuốc

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Dược xã hội học	2	2	0	Bắt buộc
2	Kinh tế doanh nghiệp	2	2	0	Bắt buộc
3	Nhóm GPs (GSP, GDP, GPP) - Bảo quản thuốc	2	2	0	Bắt buộc
4	Marketing và thị trường dược phẩm	3	3	0	Bắt buộc
5	Thực hành về quản lý và cung ứng thuốc (bệnh viện, nhà thuốc, công ty)	3	0	3	Bắt buộc

Tổng cộng	12	9	3	
------------------	-----------	----------	----------	--

Nhóm 2: Sản xuất và phát triển thuốc

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Sản xuất thuốc từ dược liệu	2	1	1	Bắt buộc
2	Sản xuất thuốc 2	3	2	1	Bắt buộc
3	Nhóm GP (GMP, GSP, GLP, GACP)	2	2	0	Bắt buộc
4	Sản xuất thuốc 3	2	2	0	Bắt buộc
5	Thực hành sản xuất thuốc tại các xí nghiệp dược phẩm	3	0	3	Bắt buộc
Tổng cộng		12	7	5	

8.2.2.3. Kiến thức bổ trợ của ngành (được lựa chọn 10TC)

Nhóm kiến thức tự chọn cho chuyên ngành Quản lý và cung ứng thuốc

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc/ Tự chọn
1	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	2	0	Tự chọn
2	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	2	2	0	Tự chọn
3	Sở hữu trí tuệ - Thuốc generic - Thuốc nhượng quyền	2	2	0	Tự chọn
4	Bảo hiểm y tế	2	2	0	Tự chọn
5	Dược cộng đồng	2	2	0	Tự chọn
6	Môi trường và sức khỏe	2	2	0	Tự chọn
7	Nhà nước và pháp luật	2	2	0	Tự chọn
8	Dược lâm sàng 2	2	2	0	Tự chọn
9	Quản trị doanh nghiệp	2	2	0	Tự chọn
10	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0	Tự chọn
11	Thông tin & dược cảnh giác	2	2	0	Tự chọn
12	Quản lý dược bệnh viện	2	2	0	Tự chọn
Tổng cộng		24	24	0	

Nhóm kiến thức tự chọn cho chuyên ngành Sản xuất và phát triển thuốc.

STT	Tên môn học	Số TC	Lý	Thực	Bắt buộc/
-----	-------------	-------	----	------	-----------

			thuyết	hành	Tự chọn
1	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	2	2	0	Tự chọn
2	Các hệ thống trị liệu mới	2	2	0	Tự chọn
3	Thuốc có nguồn gốc sinh học	2	2	0	Tự chọn
4	Thuốc có nguồn gốc tự nhiên	2	2	0	Tự chọn
5	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	2	2	0	Tự chọn
6	Một số phương pháp phân tích bằng quang phổ	2	2	0	Tự chọn
7	Nghiên cứu và phát triển thuốc mới	2	2	0	Tự chọn
8	Hồ sơ đăng ký thuốc	2	2	0	Tự chọn
9	Độ ổn định của thuốc	2	2	0	Tự chọn
10	Bao bì dược phẩm	2	2	0	Tự chọn
11	Phương pháp NCKH	2	2	0	Tự chọn
12	Thiết kế phân tử thuốc	2	2	0	Tự chọn
Tổng cộng		24	24	0	

8.2.3. Thi tốt nghiệp và làm khóa luận

Thi tốt nghiệp cho chuyên ngành Quản lý và cung ứng thuốc:

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
1	Khoa học Mác- Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	Môn điều kiện
2	Dược lý	1	1	0	Kiến thức ngành
3	Dược lâm sàng 1	1	1	0	
4	Bào chế và sinh dược học	1	1	0	
5	Pháp chế dược	2	2	0	Chuyên ngành
6	Marketing và thị trường dược phẩm	2	2	0	
7	Kinh tế doanh nghiệp	2	2	0	
8	Nhóm GPs (GDP, GSP, GPP)	1	1	0	
Tổng cộng		12	12	0	

Thi tốt nghiệp cho chuyên ngành Sản xuất và phát triển thuốc

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
1	Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	Môn điều kiện
2	Dược lý	1	1	0	Kiến thức ngành
3	Dược liệu	1	1	0	
4	Hóa dược	1	1	0	
5	GPs (GMP, GSP, GLP, GACP)	1	1	0	Chuyên ngành
6	Bào chế và sinh dược học	2	2	0	
7	Kiểm nghiệm dược phẩm	2	2	0	
8	Sản xuất thuốc	2	2	0	
Tổng cộng		12	12	0	

Làm khóa luận tốt nghiệp:

- Môn thi (điều kiện tốt nghiệp): Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)
- Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp (10TC)

9. Kế hoạch giảng dạy: (dự kiến)

9.1. Tổng hợp kế hoạch đào tạo trong toàn khóa

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO TRONG TOÀN KHÓA HỌC

Stt	Tên môn học	Kỳ học									
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	3									
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2		2								
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam			3							
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh				2						
5	Đạo đức hành nghề dược								2		
6	Anh văn 1	2									
7	Anh văn 2		3								
8	Anh văn chuyên ngành									3	

Stt	Tên môn học	Kỳ học									
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
9	Toán cao cấp - xác suất thống kê		3								
10	Tin học ứng dụng		2								
11	Vật lý đại cương	4									
12	Môi trường				2						
13	Hóa đại cương vô cơ		3								
14	Sinh học đại cương		3								
15	Giáo dục thể chất (*)	3									
16	Giáo dục quốc phòng – an ninh (*)	7									
17	Y học quân sự								2		
18	Hóa sinh					4					
19	Hóa hữu cơ			5							
20	Hóa phân tích 1					3					
21	Hóa phân tích 2						3				
22	Giải phẫu			2							
23	Sinh lý				3						
24	Vi sinh				2						
25	Ký sinh trùng				2						
26	Sinh lý bệnh và miễn dịch				3						
27	Hóa lý dược				3						
28	Bệnh học							3			
29	Thực vật dược			4							
30	Thực hành dược khoa			3							
31	Dược liệu 1					3					
32	Dược liệu 2						3				
33	Dược học cổ truyền							2			
34	Hóa dược 1						3				
35	Hóa dược 2							3			
36	Bào chế và sinh dược học 1						3				
37	Bào chế và sinh dược học 2							3			
38	Pháp chế dược					3					
39	Quản lý và Kinh tế							2			

Stt	Tên môn học	Kỳ học									
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
	dược										
40	Dược động học					2					
41	Dược lý 1						2				
42	Dược lý 2							3			
43	Độc chất học					2					
44	Dược lâm sàng 1								2		
45	Kiểm nghiệm dược phẩm								3		
46	Sản xuất thuốc 1								2		
47	Tin học dược						2				
(48A/ B)**	Định hướng chuyên ngành (theo nhóm)								6	6	
(49A/ B)**	Kiến thức bổ trợ (nhóm tự chọn theo chuyên ngành)									6	4
50	Thi tốt nghiệp hoặc làm khóa luận										12
Tổng cộng		19	16	17	17	17	16	16	17	15	16

****A: định hướng Quản lý và cung ứng thuốc**

****B: định hướng Phát triển và sản xuất thuốc**

9.2. Kế hoạch đào tạo theo năm học/học kỳ

Năm thứ 1 - Học kỳ I:

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	3	3	45	0	0
2	Anh văn 1	2	2	30	0	0
3	Vật lý đại cương	4	3	45	1	30
4	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	60
5	Giáo dục quốc phòng – an ninh	7	3	45	4	120
Tổng cộng		19	12	180	07	210

Học kỳ II:

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	2	2	30	0	0
2	Anh văn 2	3	3	45	0	0
3	Sinh học đại cương	3	2	30	1	30
4	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30
5	Hóa đại cương vô cơ	3	2	30	1	30
6	Toán cao cấp- xác suất thống kê	3	2	30	1	30
Tổng cộng		16	12	180	4	120

Năm thứ 2 - Học kỳ III:

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	45	0	0
2	Thực vật dược	4	3	45	1	30
3	Hóa hữu cơ	5	3	45	2	60
4	Giải phẫu	2	1	15	1	30
5	Thực hành dược khoa	3	0	0	3	60+45 thực tế nhà thuốc
Tổng cộng		17	10	150	7	225

Học kỳ IV:

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30	0	0
2	Môi trường	2	2	30	0	0
3	Sinh lý	3	2	30	1	30
4	Hóa lý dược	3	2	30	1	40
5	Vi sinh	2	1	15	1	30
6	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30
7	Sinh lý bệnh và miễn dịch	3	3	45	0	0
Tổng cộng		17	13	195	4	130

Năm thứ ba - Học kỳ V:

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Hóa sinh	4	3	45	1	40
2	Hóa phân tích 1	3	2	30	1	30
3	Dược liệu 1	3	2	30	1	30
4	Dược động học	2	2	30	0	0
5	Độc chất học	2	1	15	1	30
6	Pháp chế dược	3	3	45	0	0
Tổng cộng		17	13	195	4	130

Học kỳ VI:

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Hóa phân tích 2	3	2	30	1	30
2	Dược Liệu 2	3	2	30	1	30
3	Tin học dược	2	1	15	1	30
3	Bào chế và sinh dược học 1	3	2	30	1	30
5	Hóa dược 1	3	2	30	1	30
6	Dược lý 1	2	2	30	0	0
Tổng cộng		16	11	165	5	150

Năm thứ 4 - Học kỳ VII:

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Quản lý và kinh tế dược	2	2	30	0	0
4	Dược học cổ truyền	2	1	15	1	30
2	Hóa dược 2	3	2	30	1	30
4	Bệnh học	3	3	45	0	0
5	Dược lý 2	3	2	30	1	30
6	Bào chế và sinh dược học 2	3	2	30	1	30
Tổng cộng		16	12	180	4	120

Học kỳ VIII:

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Kiểm nghiệm dược phẩm	3	2	30	1	30
2	Dược lâm sàng 1	2	2	30	0	0
3	Y học quân sự	2	2	30	0	0
4	Sản xuất thuốc 1	2	2	30	0	0
5	Đạo đức hành nghề dược	2	2	30	0	0
6	Định hướng chuyên ngành (theo nhóm)	6	6	90	0	0
Tổng cộng		17	16	240	1	30

Năm thứ 5 - Học kỳ IX:

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Anh văn chuyên ngành	3	3	45	0	0
2	Định hướng chuyên ngành (theo nhóm)	6 (3 TC đi thực tế)	3	45	3 (thực tế)	180
3	Kiến thức bổ trợ (nhóm tự chọn theo chuyên ngành)	6	6	90		
Tổng cộng		15	12	180	3	180

Học kỳ X:

STT	Tên môn học	Số TC	Lý thuyết		Thực hành	
			TC	Số tiết	TC	Số tiết
1	Kiến thức bổ trợ (nhóm tự chọn theo chuyên ngành)	4	4	60		
2	Thi tốt nghiệp hoặc làm khóa luận	12	12			
Tổng cộng		16	16			

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

10.1. Chương trình:

- Chương trình chi tiết đào tạo Dược sĩ đại học hệ chính quy gồm **166** tín chỉ, trong đó có 49 tín chỉ giáo dục đại cương, 95 tín chỉ giáo dục chuyên nghiệp bắt buộc, 10 tín chỉ tự chọn, 12 tín chỉ thi tốt nghiệp. Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện.
- Phần nội dung chương trình bắt buộc: Trường Đại học Nam Cần Thơ chỉ đạo khoa Dược phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng kiến thức đã quy định.
- Phần nội dung chương trình tự chọn: Phần nội dung chương trình tự chọn tùy theo số đông sinh viên lựa chọn chủ đề của phần tự chọn để học đủ 10 tín chỉ theo quy định. Trên cơ sở các tín chỉ bắt buộc và tín chỉ tự chọn đã được phê duyệt, Khoa Dược biên soạn chương trình chi tiết từng môn học và trình Hiệu trưởng ban hành để thực hiện.

10.2. Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:

Khoa Dược sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các môn học của các học kỳ và phải đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các môn học thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các môn chuyên ngành Dược. Phòng Đào tạo và khoa Dược sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

10.3. Thực tập, thực tế chuyên môn theo chuyên ngành:

- Thực tập: tổ chức thực tập tại phòng thí nghiệm theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để đảm bảo chất lượng đào tạo, tùy theo học phần, nhà trường có thể quy định điểm kết thúc môn học là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập.
- Học tập thực tế theo định hướng chuyên ngành vào học kỳ IX (năm thứ năm) sau khi sinh viên đã học xong các môn cơ sở ngành và chuyên ngành liên quan.

10.4. Phương pháp dạy và học:

- Coi trọng việc tự học của sinh viên.
- Tăng cường các phương tiện nghe nhìn, dạy và học theo phương pháp tích cực.
- Đảm bảo đủ sách giáo khoa và tài liệu tham khảo cho sinh viên.
- Tổ chức kiểm tra sau mỗi buổi thực tập tại phòng thí nghiệm. Đối với học tập thực tế tại các cơ sở dược, phân công giảng viên của bộ môn kết hợp với giảng viên kiêm

nhiệm tại chỗ để giám sát việc học tập của sinh viên. Tổ chức kiểm tra khi kết thúc mỗi đợt thực tế.

10.4. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình tài liệu học tập.
- Tham gia đầy đủ các giờ học trong lớp.
- Hoàn thành các bài tập đúng thời gian quy định.
- Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận.
- Tham gia đầy đủ các lần kiểm tra tự học và thi kết thúc học phần.

10.5. Kiểm tra, thi:

- Sau mỗi học phần, sinh viên sẽ được tổ chức đánh giá kết thúc học phần.
- Điểm đánh giá học phần được tính theo thang điểm từ 0 đến 10.
- Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ, mỗi năm học, mỗi khóa học được tính theo công thức đã quy định.
- Xếp loại kết quả học tập theo quy định chung.

**ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH CTĐT
ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP.HCM
HIỆU TRƯỞNG**

**ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KT.HIỆU TRƯỞNG**

TRỊNH HUỆ